



# Tờ Dữ Liệu An Toàn

## ĐOẠN 1 NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

### Delo XLC Antifreeze/Coolant - Premixed 50/50

**Sử dụng sản phẩm:** Dịch Giải Nhiệt Hoạt Tính Cao

**(Các) số sản phẩm:** 510609

**Nhận diện công ty**

Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

Lô F4 - Khu Công nghiệp Đình Vũ - An Hải

Hải Phòng

Việt Nam

**Phản Ứng khẩn cấp khi vận chuyển**

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623

**Sức khỏe khẩn cấp**

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623

**Thông tin sản phẩm**

điện thư : CLVLTech@chevron.com

Thông tin sản phẩm: +84-4-37332545

Số FAX: +84-4-37332555

## ĐOẠN 2 NHẬN DẠNG CHẤT NGUY HIỂM

**XẾP LOẠI:**

- Chất độc cấp tính qua đường miệng: Loại 5.
- Chất độc đối với sinh sản (phát triển): Loại 1B.
- Chất độc đối với cơ quan nội tạng xác định (tiếp xúc lặp lại): Loại 2.



**Từ Ngữ Báo Hiệu:** Nguy hiểm

**Những mối nguy hiểm về sức khỏe:**

- Có thể gây hại nếu nuốt vào.
- Có thể gây hại thai nhi.
- Có thể gây hại cho các cơ quan nội tạng (THẬN) do tiếp xúc lâu và nhiều lần.

**ĐỀ PHÒNG**

**Ngăn ngừa:**

- Thâu thập hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
- Không xử lý cho đến khi đọc kỹ và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.

- Không hít khói, khí, sương, hơi hoặc bụi nước.
- Đeo găng tay bảo hộ, quần áo bảo hộ, thiết bị bảo vệ mắt và bảo vệ mặt.

**Hồi báo:**

- NẾU đã tiếp xúc hoặc lo ngại về điều đó: Nên người hỏi ý kiến / chăm sóc y tế.
- Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC, bác sĩ, hoặc y sĩ nếu cảm thấy không khỏe.

**Lưu trữ:**

- Bảo quản có khóa.

**Thải bỏ:**

- Thải bỏ vật liệu bên trong và thùng chứa theo các quy định hiện hành của địa phương, khu vực, quốc gia, và quốc tế.

**ĐOẠN 3 CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN**

THÀNH PHẦN	SỐ CAS	SỐ LƯỢNG
Glycol etylen	107-21-1	34 - < 80 % trọng lượng
Natri 2-etylhexanoat	19766-89-3	1 - < 3 % trọng lượng
Tolytriazol	29385-43-1	0.1 - < 1 % trọng lượng

**ĐOẠN 4 PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU**

**Mắt:** Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Để phòng ngừa, tháo kính áp tròng ra nếu có mang, và xối rửa mắt bằng nước.

**Da:** Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Để phòng ngừa, tháo quần áo và giày dép nếu bị thấm nhiễm. Để gột hết chất này ra khỏi da, sử dụng xà bông và nước. Hãy thải bỏ quần áo và giày dép đã thấm nhiễm hoặc giặt rửa thật kỹ trước khi dùng lại.

**Ăn:** Đến nơi chăm sóc y tế ngay nếu đã lỡ nuốt vào. Đừng làm nôn mửa. Đừng bao giờ đổ bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh.

**Hít vào:** Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Nếu tiếp xúc chất liệu trong không khí ở mức quá cao, đưa người bị tiếp xúc ra chỗ không khí trong lành. Hãy đến nơi chăm sóc y tế nếu bị ho hay khó chịu ở đường hô hấp.

**ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE TRỰC TIẾP**

**Mắt:** Dự kiến không gây tổn mắt kéo dài hay nghiêm trọng.

**Da:** Dự kiến sẽ không gây ngứa kéo dài hoặc đáng kể khi tiếp xúc với da. Dự kiến sẽ không gây dị ứng da khi tiếp xúc với da. Dự kiến không gây hại cho cơ quan nội tạng nếu hấp thu qua da.

**Ăn:** Có thể gây hại nếu nuốt vào.

**Hít vào:** Hít phải chất này ở nồng độ trên giới hạn tiếp xúc đã khuyến nghị thì có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. Tác động lên hệ thần kinh trung ương có thể là: nhức đầu, chóng mặt, buồn nôn, ói mửa, yếu sức, mất phối hợp vận động, tầm nhìn bị mờ, ngầy ngật, lẫn lộn, hoặc mất định hướng. Nếu tiếp nhiễm quá mức thì ảnh hưởng lên hệ thần kinh trung ương có thể bao gồm suy sụp hô hấp, run rẩy hay co giật, bất tỉnh, hôn mê hoặc tử vong.

**ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE CHẠM HAY ẢNH HƯỞNG KHÁC:**

**Sinh sản và khuyết tật bẩm sinh:** Chứa chất có thể gây hại cho thai nhi nếu nuốt vào, dựa theo dữ liệu trên thú vật.

**Các cơ quan nội tạng bị ảnh hưởng:** Chứa chất có thể gây hại cho (các) bộ phận sau đây sau khi hít phải nhiều lần ở nồng độ cao hơn giới hạn tiếp xúc được khuyến nghị: Thận  
Xem Đoạn 11 để biết thêm thông tin. Rủi ro tùy theo khoảng thời gian và mức tiếp xúc.

**ĐOẠN 5 PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY**

**PHƯƠNG TIỆN DẬP TẮT:** Hóa chất khô, CO<sub>2</sub>, Bọt Tạo Màng Nước (AFFF) hoặc Bọt chịu alcol.

### **BẢO VỆ LÍNH CỨU HÒA:**

**Chỉ dẫn chữa cháy:** Chất này sẽ cháy, mặc dù không dễ gì kích hỏa. Xem Đoạn 7 để biết cách xếp dỡ và bảo quản đúng quy định. Khi xảy ra hỏa hoạn liên can đến chất này thì đừng đi vào bất cứ nơi quây kín hoặc chật hẹp bị bùng nào đang cháy mà không có trang bị bảo vệ thích hợp, kể cả dụng cụ thở độc lập.

**Sản phẩm đốt cháy:** Tùy thuộc rất lớn vào điều kiện cháy. Một hỗn hợp phức chất – gồm các thành phần đặc, lỏng và khí, trong đó kể cả monoxit cacbon, dioxit cacbon, và hợp chất hữu cơ chưa rõ gốc tích – sẽ sinh ra trong không khí khi chất này đang cháy. Khi đốt cháy thì có thể tạo thành các oxit: Natrie .

## **ĐOẠN 6 PHƯƠNG PHÁP GIẢM TAI NẠN**

**Phương pháp bảo vệ:** Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy ở khu vực gần chất liệu chảy tràn. Những người đi vào khu vực đã thấm nhiễm để sửa chữa sự cố – hoặc để xác định có an toàn cho việc tiếp tục hoạt động bình thường hay không – đều phải tuân thủ mọi chỉ dẫn trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân.

**Kiểm soát chảy tràn:** Hãy chặn đứng nguồn phóng thích nếu có thể thực hiện mà không bị nguy cơ rui ro nào. Nên không chế chất thoát ra để ngăn ngừa tiếp tục thấm nhiễm mặt đất, nước mặt hay nước ngầm. Dọn sạch vết loang càng sớm càng tốt ngay khi có thể, và nhớ tuân thủ biện pháp đề phòng ghi trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân. Nên dùng những kỹ thuật thích hợp, ví dụ như áp dụng phương pháp bơm hoặc sử dụng chất hấp thu nhanh nhưng khó cháy. Nếu khả thi và thích hợp thì dỡ bỏ lớp đất đã thấm nhiễm. Hãy đặt chất đã thấm nhiễm vào thùng chứa 'chỉ dùng một lần' rồi thải bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành.

**Báo cáo:** Báo cáo vết dầu loang cho chính quyền địa phương khi thích hợp hoặc cần thiết.

## **ĐOẠN 7 XẾP DỠ VÀ BẢO QUẢN**

**Thông tin xếp dỡ chung:** Không ném hoặc nuốt vào chất chống đông hay dung dịch. Giữ ngoài tầm tay trẻ em và thú vật.

**Phương pháp phòng ngừa:** Không để dính vào mắt, trên da hoặc quần áo. Không ném hay nuốt vào. Không hít thở hơi hay hơi khói. Rửa kỹ sau khi xử lý. Nhớ để ngoài tầm tay trẻ em.

**Nguy hiểm tĩnh:** Tĩnh điện có thể tích tụ và gây ra tình trạng nguy hiểm khi xử lý chất này. Có thể cần phải giữ chặt và tiếp đất để giảm thiểu hiểm họa này, nhưng bản thân những điều đó có thể là chưa đủ. Hãy xem lại mọi hoạt động có thể tạo ra và tích tụ tĩnh điện và / hoặc môi trường không khí dễ cháy (kể cả việc châm đầy bồn chứa và thùng chứa, châm đầy kiểu bán tóa, làm vệ sinh bồn chứa, lấy mẫu, đo đặc, bật công tắc, lọc lựa, trộn, khuấy, hoạt động hút chân không) và vận dụng các phương thức thích hợp để giảm thiểu nguy cơ.

**Cảnh Báo Trên Thùng Hàng:** Thùng chứa không dùng để chịu áp suất cao. Không dùng áp lực để thổi sạch thùng chứa, vì nó có thể thủng vỡ với lực nổ mạnh. Các thùng chứa rỗng còn vương lại cặn sản phẩm (ở thể đặc, lỏng, và / hoặc hơi) và có thể rất nguy hiểm. Đừng tăng áp, cắt, hàn điện, hàn đồng, hàn hợp kim, khoan, mài, hoặc phơi bày thùng chứa như thế ra trước nhiệt, ngọn lửa, tia lửa, tĩnh điện, hoặc nguồn kích hỏa khác. Chúng có thể nổ tung và gây thương tật hoặc tử vong. Nên xả thùng ồng rỗng hoàn toàn, đậy kín và nhanh chóng trả lại cho nơi tân trang thùng hay bỏ đúng cách.

**Thông tin bảo quản chung:** Không đựng trong thùng hở hay không dán nhãn.

## **ĐOẠN 8 KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN**

### **THẬN TRỌNG CHUNG:**

Hãy cân nhắc những hiểm họa tiềm tàng của chất này (xem Đoạn 2), các giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm hiện hành, hoạt động cần thực hiện trong công việc – cùng với những chất khác tại nơi làm việc – khi

thiết kế biện pháp kiểm soát kỹ thuật và chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE). Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật hoặc các cách thực hành công việc không phù hợp để ngăn ngừa việc tiếp xúc với mức độ có hại của vật liệu này, hãy tham khảo thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) được trình bày bên dưới.

Các yếu tố ảnh hưởng đến PPE bao gồm, nhưng không giới hạn là: đặc tính của hóa chất, các hóa chất khác có thể tiếp xúc với cùng một PPE, các nhu cầu vật lý (cách ráp và kích thước, bảo vệ cắt / đâm thủng, sự kéo léo, bảo vệ nhiệt, v.v.), và các phản ứng dị ứng tiềm ẩn đối với vật liệu dùng trong thiết bị bảo vệ cá nhân. Người sử dụng có trách nhiệm đọc và hiểu tất cả các hướng dẫn và giới hạn được cung cấp cùng với thiết bị vì biện pháp bảo vệ thường được cung cấp trong một thời gian giới hạn hoặc trong một số trường hợp nhất định.

### KIỂM SOÁT KỸ THUẬT:

Sử dụng hệ thống thông gió chung, thông gió cục bộ hoặc sự kết hợp cả hai.

### THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

**Bảo vệ mắt / mặt:** Mang trang thiết bị bảo vệ để tránh vấy vào mắt. Loại trang thiết bị bảo vệ có thể lựa chọn là kính an toàn, kiếng bảo hộ chống hóa chất, tấm che mặt, hoặc kết hợp nhiều loại, tùy vào công việc cần thực hiện.

**Bảo vệ da:** Mang thiết bị bảo vệ cá nhân chống hóa chất (PPE) để tránh sự tiếp xúc với da. Việc lựa chọn quần áo bảo vệ chống hóa chất phải do một Chuyên gia Vệ sinh Lao động hoặc An toàn thực hiện và dựa trên các tiêu chuẩn hiện hành (ASTM F739 hoặc EN 374). Việc sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) hóa học tùy thuộc vào các hoạt động được tiến hành và có thể bao gồm găng tay chống hóa chất, ủng, tạp dề chống hóa chất, bộ đồ chống hóa chất và việc bảo vệ da mặt hoàn chỉnh. **Tham khảo các nhà sản xuất thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) để có thông tin về thời gian đột phá nhằm xác định thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) có thể được sử dụng trong bao lâu trước khi cần thay thế.** Trừ khi dữ liệu cụ thể của nhà sản xuất găng tay chỉ ra khác, bảng dưới đây dựa trên dữ liệu công nghiệp có sẵn để hỗ trợ quá trình lựa chọn găng tay và dự kiến chỉ được sử dụng làm tài liệu tham khảo.

Vật liệu găng tay hóa học	Độ dày (mm)	Thời gian đột phá tiêu biểu (phút)
Butyl	0.7	120
Neopren	0.61	120
Nitril	0.8	120
Clorua Polyvinyl (PVC)	1.5	120
Viton Butyl	0.3	120

**Bảo vệ hô hấp:** Xác định xem nồng độ trong không khí có dưới giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp đề nghị sử dụng. Nếu nồng độ trong không khí nằm trên giới hạn chấp nhận được, mang mặt nạ được chấp thuận để bảo vệ khỏi chất liệu này, như: Mặt nạ lọc khí cho hơi hữu cơ, bụi và hơi sương.

Nên đeo mặt nạ cung cấp không khí (áp lực dương) trong trường hợp mặt nạ lọc khí có thể không bảo vệ đầy đủ.

### Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp:

Thành phần	Quốc gia/ Cơ quan	Dạng	TWA	STEL	Trần nhà	Chú thích
Glycol etylen	ACGIH	--	0.01 ppm	--	--	Da
Glycol etylen	ACGIH	Sol khí có thể hít	--	10 mg/m <sup>3</sup>	--	--
Glycol etylen	ACGIH	Phần hơi	25 ppm	50 ppm	--	--
Glycol etylen	Việt Nam	Khói	60 mg/m <sup>3</sup>	125 mg/m <sup>3</sup>	--	--
Glycol etylen	Việt Nam	Hạt và sương	10 mg/m <sup>3</sup>	20 mg/m <sup>3</sup>	--	--

Nên tham vấn với chính quyền địa phương để biết giá trị thích hợp.

## ĐOẠN 9 THÀNH PHẦN LÝ HÓA

**Chú ý:** dữ liệu dưới đây là giá trị tiêu biểu và không phải là chi tiết kỹ thuật.

**Màu sắc:** Cam (huỳnh quang)

**Trạng thái vật lý:** Chất lỏng

**Mùi:** Thoảng mùi hay nhẹ

**Ngưỡng mùi:** Không có sẵn dữ liệu

**pH:** 8.3 - 8.8

**Áp suất hơi:** Không có sẵn dữ liệu

**Mật độ tương đối của hơi nước:** Không có sẵn dữ liệu

**Điểm sôi:** 109°C (228.2°F) (Ước tính)

**Độ hòa tan:** Hòa tan trong nước.

**Điểm đông:** -37°C (-34.6°F) Tối đa

**Điểm tan chảy:** Không áp dụng

**Tính chất của hạt:** Không áp dụng

**Tỉ trọng:** 1.0682 kg/l @ 20°C (68°F) (Điển hình)

**Độ nhớt động học:** Không có sẵn dữ liệu

**Tốc độ bay hơi:** Không có sẵn dữ liệu

**Hệ số phân bố n-octanol/nước (giá trị logarit):** Không có sẵn dữ liệu

### ĐẶC TÍNH DỄ BẮT CHÁY:

**Điểm bốc cháy:** Không áp dụng

**Tự bốc cháy:** Không có sẵn dữ liệu

**Giới hạn dễ bắt lửa (Cháy Nổ) (% theo số lượng trong không khí):** Thấp hơn: Không áp dụng

Cao hơn: Không áp dụng

## ĐOẠN 10 ĐỘ BỀN VỮNG VÀ PHẢN ỨNG

**Phản ứng:** Có thể phản ứng với axit mạnh hay chất oxy hóa mạnh, như clorat, nitrat, peroxit, v. v...

**Độ bền vững hóa học:** Chất này được cho là ổn định trong điều kiện nhiệt độ và áp lực xung quanh thông thường và xếp dỡ và bảo quản lưỡng trước.

**Không tương thích với các chất liệu khác:** Không áp dụng

**Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Andehit (Nhiệt độ tăng cao), Xeton (Nhiệt độ tăng cao)

**Trùng hợp (polime hóa) nguy hiểm:** Sẽ không xảy ra quá trình polyme hóa nguy hại.

## ĐOẠN 11 THÔNG TIN ĐỘC TỐ

**Xôn mắt:** Chất này không được coi là chất gây kích ứng mắt. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Độc tính da cấp tính:** Chất này không được coi là chất độc qua da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Ngứa da:** Chất này không được coi là chất gây kích ứng da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Nhạy cảm da:** Chất này không được coi là chất gây mẫn cảm cho da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Độc tố cấp tính qua đường miệng:** Chất này có thể có hại nếu nuốt phải. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

phần sản phẩm.

**Độc tố cấp tính hít vào:** Chất này không được coi là chất độc qua đường hô hấp. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Ước tính độc tố cấp tính:** Chưa xác định

**Khả Năng Gây Đột Biến Gien:** Chất này không được coi là chất gây Đột biến Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Khả Năng Gây Ung Thư:** Chất này không được coi là chất gây ung thư. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Độc Sinh Sản:** Chất này có thể gây tổn hại cho thai nhi. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Chất độc đối với cơ quan nội tạng xác định - tiếp xúc một lần:** Chất này không được coi là chất độc cơ quan đích (phơi nhiễm một lần). Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Chất độc đối với cơ quan nội tạng xác định - tiếp xúc lặp lại:** Chất này có thể gây tổn thương các cơ quan khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Độc tính Hít phải:** Chất này không được coi là một mối nguy hại hô hấp.

#### **THÔNG TIN THÊM VỀ ĐỘC TÍNH:**

Sản phẩm này chứa EG (glycol etylen). Dự kiến EG chỉ có chút ít độc tính – khi hít phải hoặc tiếp xúc qua da – ở nhiệt độ trong phòng. Ước tính liều lượng gây tử vong qua đường miệng là khoảng 100 cc (3,3 oz.) đối với người lớn. Glycol etylen bị oxy hóa thành axit oxalic vốn dễ làm lắng tụ tinh thể oxalat canxi – chủ yếu ở não và thận. Các dấu hiệu và triệu chứng xuất hiện sớm của tình trạng ngộ độc EG có thể giống với những điều xảy ra khi nhiễm độc rượu. Sau đó nạn nhân có thể bị buồn nôn, ói mửa, yếu sức, đau bụng và râm nhức cơ bắp, khó thở, và lượng nước tiểu thải ra giảm xuống. Khi EG bị nung nóng đến trên điểm sôi của nước, báo cáo cho thấy những người tiếp xúc phơi nhiễm lâu dài với thể hơi tạo thành đã bị bất tỉnh, tăng lượng lymphô bào, và mất cử động nhanh, giật cục. Khi cho chuột cống và chuột lắt có thai dùng EG qua đường miệng thì gia tăng tỷ lệ bào thai chết và dị tật bẩm sinh. Một vài tác động trong số đó xảy ra ở liều lượng không có ảnh hưởng độc hại đối với con thú mẹ. Chúng tôi chưa thấy bất cứ báo cáo nào nói rằng EG gây độc lên khả năng sinh sản của con người. Axit 2-ethylhexanoic (2-EXA) làm gia tăng kích thước gan và mức men gan khi chuột cống được cho ăn lặp đi lặp lại. Khi chuột cống có thai được nạp bằng cách đặt ống nuôi hoặc hòa trong nước uống, 2-EXA gây ra khả năng sinh quái thai (khuyết tật bẩm sinh) và làm chậm quá trình phát triển sau khi sinh của chuột con. Ngoài ra, 2-EXA cũng làm giảm khả năng thụ thai của chuột cống cái. Đã thấy khuyết tật bẩm sinh ở chuột con khi chuột nhất được chích 2-ethylhexanoat natri trong màng bụng trong lúc có thai.

#### **ĐOẠN 12 THÔNG TIN SINH THÁI**

##### **ĐỘC TÍNH SINH THÁI**

Dự kiến chất này không gây hại cho thủy sinh vật.

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

##### **CHUYỂN ĐỘNG**

Không có sẵn dữ liệu.

## **ĐỘ BỀN BỈ VÀ PHÂN HỦY**

Dự kiến chất này dễ phân hủy sinh học. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

## **CÓ KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC**

Yếu tố nồng độ sinh học: Không có sẵn dữ liệu.

Hệ số phân bố n-octanol/nước (giá trị logarit): Không có sẵn dữ liệu

## **ĐOẠN 13 CẢN THẬN KHI VỨT BỎ**

Sử dụng chất liệu cho mục đích định sẵn hay tái chế nếu có thể. Khi cần thải bỏ, chất này phải đáp ứng tiêu chí về chất thải nguy hiểm – xem định nghĩa của luật pháp và quy định quốc tế, quốc gia, hoặc địa phương.

## **ĐOẠN 14 THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**

Mô tả trình bày không áp dụng cho tất cả các trường hợp gửi hàng. Tham khảo 49CFR, hay Quy Định Hàng Hóa Nguy Hiểm (Dangerous Goods Regulations) thích hợp để biết thêm các đòi hỏi mô tả khác (chẳng hạn như tên kỹ thuật) và đòi hỏi gửi hàng theo cách đặc biệt hay theo số lượng đặc biệt.

**Mô Tả Gửi Hàng UN:** NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE UNITED NATIONS MODEL REGULATIONS/RECOMMENDATIONS

**Mô tả gửi hàng IMO / IMDG:** NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE IMDG CODE

**Mô tả gửi hàng ICAO / IATA:** NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER ICAO

**Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và bộ luật IBC:** Không áp dụng

## **ĐOẠN 15 THÔNG TIN QUY ĐỊNH**

### **DÒ TÌM DANH SÁCH QUY ĐỊNH:**

01-1=IARC Nhóm 1

01-2A=IARC Nhóm 2A

01-2B=IARC Nhóm 2B

Không một thành phần nào của chất này có tên trong danh sách bị kiểm soát ở trên.

### **DANH SÁCH HÓA CHẤT:**

Mọi thành phần đều phù hợp với các yêu cầu kiểm kê hóa chất sau đây: AIIC (Úc), DSL (Canada), ENCS (Nhật Bản), IECSC (Trung Quốc), KECI (Hàn Quốc), NZIoC (Tân Tây Lan), PICCS (Philippin), TCSI (Đài Loan), TSCA (Hoa Kỳ).

## **ĐOẠN 16 CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**BÁO CÁO DUYỆT LẠI:** ĐOẠN 02 - ĐỀ PHÒNG thông tin đã được sửa.

ĐOẠN 06 - Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân, Trang Bị Bảo Hộ và Quy Trình Xử Lý Khẩn Cấp thông tin đã được sửa.

ĐOẠN 14 - Phân loại theo Tổ Chức Hàng Hải Quốc Tế (IMO) thông tin đã được bổ sung.

**Ngày duyệt lại:** Tháng Sáu 14, 2024

**CÁC CHỮ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU NÀY:**

TLV - Giá trị giới hạn ngưỡng	TWA - Trung bình trọng lượng thời gian
STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn	PEL - Giới hạn tiếp xúc cho phép
	CAS - Số Dịch Vụ Tóm Tắt Hóa Chất
ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists	IMO/IMDG - International Maritime Dangerous Goods Code
API - American Petroleum Institute	SDS - Tờ Dữ Liệu An Toàn
CVX - Chevron	NFPA - National Fire Protection Association (USA)
	NTP - National Toxicology Program (USA)
IARC - International Agency for Research on Cancer	

Được soạn theo Luật Hóa chất số 6/2007/QH12 bởi Trung tâm Kỹ thuật Chevron.

**Thông tin trên dựa theo dữ liệu chúng tôi biết và được cho là chính xác kể từ ngày này. Do có thể áp dụng thông tin này theo các điều kiện ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi và với những điều kiện chưa quen và do dữ liệu có thể có sẵn tiếp theo ngày này, có thể có đề nghị sửa đổi thông tin, chúng tôi không chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng. Thông tin này được cung cấp theo điều kiện là người nhận phải tự quyết định chất liệu thích hợp cho mục đích riêng của mình.**